

Số: 448 /QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng hệ chính quy quý III/2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018 và Nghị định 99/2019NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 340/NQ-HĐT ngày 24/3/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-ĐHNT ngày 26/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc Ban hành Quy chế quản lý văn bằng, chứng chỉ của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 753/QĐ-ĐHNT ngày 13/8/2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên Khoa Ngoại ngữ tại Trường Đại học Nha Trang;

Theo đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp và Trường phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Đại học chính quy cho 265 sinh viên; cấp bằng Cao đẳng chính quy cho 12 sinh viên, vì đã hoàn thành chương trình đào tạo toàn khóa theo quy chế:

A. Đại học chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K59 2017 - 2021	K60 2018 - 2022	Cộng
1	Ngôn ngữ Anh	03	262	265

B. Cao đẳng chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K60 2018-2021	K61 2019-2022	Cộng
1	Tiếng Anh	04	08	12

Điều 2. Trưởng phòng liên quan, Khoa Ngoại ngữ và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *chữ ký*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: Văn thư, ĐTDH.



HIỆU TRƯỞNG

Trang Pi Trung

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2022

Theo Quyết định số 948 /QĐ-ĐHNT ngày 18 tháng 8 năm 2022

Loại hình đào tạo: Đại học chính quy

1. Ngôn ngữ Anh

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	59131236	Võ Thị Mỹ Linh	26/06/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59.NNA-1	2017-2021
2	59132740	Trần Nữ Ngọc Trang	20/06/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.NNA-4	2017-2021
3	59133134	Nguyễn Tiến Việt	05/08/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.NNA-4	2017-2021
4	60135127	Nguyễn Ngọc Yên Bình	10/05/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-1	2018-2022
5	60135388	Trần Long Duyên	09/07/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-1	2018-2022
6	60135421	Phạm Thị Thu Hà	15/08/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-1	2018-2022
7	60135517	Nguyễn Hoàng Hào	25/10/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.NNA-1	2018-2022
8	60135569	Huỳnh Minh Hiếu	14/03/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-1	2018-2022
9	60135594	Tạ Thị Minh Hiếu	18/07/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.NNA-1	2018-2022
10	60135816	Nguyễn Phú Khang	11/03/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.NNA-1	2018-2022
11	60135895	Lê Tùng Lâm	07/11/2000	Khánh Hòa	Nam	Giỏi	60.NNA-1	2018-2022
12	60135935	Hàng Thị Mỹ Linh	16/03/2000	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	60.NNA-1	2018-2022
13	60136028	Nguyễn Nhật Long	16/12/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.NNA-1	2018-2022
14	60136034	Nguyễn Trần Hoàng Long	25/12/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.NNA-1	2018-2022
15	60136073	Nguyễn Thị Hoàng Ly	30/07/2000	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	60.NNA-1	2018-2022
16	60136075	Nguyễn Trúc Ly	17/09/2000	Phú Yên	Nữ	Giỏi	60.NNA-1	2018-2022
17	60136239	Nguyễn Thụy Khánh Ngân	30/11/2000	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	60.NNA-1	2018-2022
18	60131982	Ngô Thị Hồng Ngọc	07/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-1	2018-2022
19	60136369	Nguyễn Hoàng Nhật	07/01/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.NNA-1	2018-2022
20	60136383	Đặng Hoàng Nhi	22/07/2000	Bình Định	Nữ	Trung bình	60.NNA-1	2018-2022
21	60136416	Phạm Thị Mỹ Nhi	23/09/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-1	2018-2022
22	60136569	Nguyễn Kim Phụng	13/01/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-1	2018-2022
23	60136757	Trần Đông Sơn	04/04/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.NNA-1	2018-2022
24	60136987	Phạm Nguyễn Huyền Thơ	23/10/2000	Thừa Thiên Huế	Nữ	Giỏi	60.NNA-1	2018-2022
25	60137052	Trương Thị Minh Thư	15/09/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.NNA-1	2018-2022
26	60137180	Nguyễn Kiều Tra	04/01/2000	Bình Định	Nữ	Khá	60.NNA-1	2018-2022
27	60137270	Nguyễn Thị Huyền Trang	04/01/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-1	2018-2022
28	60137320	Nguyễn Kiều Phương Trinh	24/08/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-1	2018-2022
29	59133049	Nguyễn Dương Cát Uyên	03/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-1	2018-2022
30	60137518	Chê Mạnh Thúy Vân	27/03/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-1	2018-2022
31	60131278	Nguyễn Thị Bích Vy	01/07/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.NNA-1	2018-2022
32	60137661	Lê Ngọc Như Ý	26/02/2000	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	60.NNA-1	2018-2022
33	60135034	Hoàng Phương Anh	15/05/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-10	2018-2022
34	60135133	Phạm Thị Boang	12/02/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-10	2018-2022
35	60130127	Nguyễn Thị Thúy Diễm	26/11/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.NNA-10	2018-2022
36	60135396	Huỳnh Hồ Thanh Giang	26/02/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-10	2018-2022
37	60135400	Phạm Tuyết Giang	14/03/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-10	2018-2022
38	60135483	Nguyễn Thị Thuý Hằng	19/09/2000	Đắk Lắk	Nữ	Khá	60.NNA-10	2018-2022
39	60130282	Văn Thị Thục Hiền	01/06/2000	Đồng Nai	Nữ	Giỏi	60.NNA-10	2018-2022
40	60130414	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	11/03/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-10	2018-2022
41	60130444	Nguyễn Thị Khen	06/12/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-10	2018-2022
42	60135841	Ngô Thị Kim Khoa	10/06/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-10	2018-2022
43	60130522	Huỳnh Thị Kim Loan	12/04/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-10	2018-2022
44	60136076	Phan Thị Hương Ly	24/09/2000	Hà Tĩnh	Nữ	Trung bình	60.NNA-10	2018-2022

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
45	60131490	Lê Thị	Nga	03/04/2000	Thanh Hóa	Nữ	Khá	60.NNA-10	2018-2022
46	60130730	Trần Thị Yến	Nhi	26/06/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.NNA-10	2018-2022
47	60131723	Phan Yến	Nhi	23/09/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-10	2018-2022
48	60131808	Nguyễn Lê Yến	Nhi	16/09/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.NNA-10	2018-2022
49	60136414	Phạm Ngọc Yến	Nhi	02/11/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.NNA-10	2018-2022
50	60136628	Nguyễn Thị Thúy	Qua	13/12/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.NNA-10	2018-2022
51	60136629	Nguyễn Xuân	Qua	10/04/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-10	2018-2022
52	60136912	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	18/07/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-10	2018-2022
53	60130995	Lê Anh	Thư	13/08/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.NNA-10	2018-2022
54	60137117	Nguyễn Kim Thủy	Tiên	31/01/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-10	2018-2022
55	60131083	Nguyễn Thị Bảo	Trâm	12/08/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-10	2018-2022
56	60137202	Nguyễn Thị Bảo	Trâm	29/03/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-10	2018-2022
57	60131100	Hồ Thị Kim	Trang	19/07/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60.NNA-10	2018-2022
58	60131156	Nguyễn Thị Xuân	Trường	06/05/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60.NNA-10	2018-2022
59	60137486	Lê Thị Tố	Uyên	22/01/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-10	2018-2022
60	60131757	Nguyễn Huỳnh Thảo	Vy	04/11/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.NNA-10	2018-2022
61	60137670	Lê Thị Thảo	Yến	25/08/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-10	2018-2022
62	60135077	Trần Trúc	Anh	12/01/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-2	2018-2022
63	60135169	Nguyễn Thị	Chi	25/05/2000	Gia Lai	Nữ	Khá	60.NNA-2	2018-2022
64	60130143	Bùi Minh	Đoan	11/09/2000	Phú Yên	Nam	Trung bình	60.NNA-2	2018-2022
65	60135659	Nguyễn Thị	Hồng	10/07/1999	Bình Định	Nữ	Trung bình	60.NNA-2	2018-2022
66	60130390	Nguyễn Trần Quỳnh	Hương	12/06/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60.NNA-2	2018-2022
67	60135705	Đỗ Thùy	Hương	12/12/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.NNA-2	2018-2022
68	60131634	Trương Thị Khánh	Huyền	15/12/2000	Nghệ An	Nữ	Khá	60.NNA-2	2018-2022
69	60135865	Nguyễn Phan Kim	Kiều	17/06/2000	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	60.NNA-2	2018-2022
70	60131796	Võ Thị Thanh	Liều	05/10/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.NNA-2	2018-2022
71	60135977	Trịnh Hà	Linh	09/12/2000	Thanh Hóa	Nữ	Khá	60.NNA-2	2018-2022
72	60130601	Nguyễn Tống Ái	My	12/05/2000	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	60.NNA-2	2018-2022
73	60136292	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	13/08/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-2	2018-2022
74	60136334	Tôn Nữ Hạnh	Nguyên	04/02/2000	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	60.NNA-2	2018-2022
75	60136489	Nguyễn Thị Hà	Nội	02/04/2000	Lâm Đồng	Nữ	Trung bình	60.NNA-2	2018-2022
76	60136730	Lê Đình	Sang	19/09/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.NNA-2	2018-2022
77	60136799	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	04/01/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-2	2018-2022
78	60136889	Đỗ Thị Kim	Thảo	16/03/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-2	2018-2022
79	60137071	Đặng Trần Nguyên	Thục	08/10/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-2	2018-2022
80	60137108	Võ Hoàng	Thụy	09/12/2000	Lạng Sơn	Nữ	Khá	60.NNA-2	2018-2022
81	60137170	Nguyễn Quốc	Toàn	03/12/2000	Phú Yên	Nam	Khá	60.NNA-2	2018-2022
82	60137300	Nguyễn Hữu	Trí	11/09/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.NNA-2	2018-2022
83	60137460	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	30/05/2000	Ninh Thuận	Nữ	Khá	60.NNA-2	2018-2022
84	60137464	Trần Thị Thanh	Tuyền	02/11/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.NNA-2	2018-2022
85	60137499	Nguyễn Thị Hồng	Uyên	20/09/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-2	2018-2022
86	60137554	Nguyễn Tường	Vi	05/02/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-2	2018-2022
87	60130050	Nguyễn Thị Như	Bích	12/04/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.NNA-3	2018-2022
88	60135212	Võ Thị Trang	Đài	11/12/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-3	2018-2022
89	60135379	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	03/07/2000	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	60.NNA-3	2018-2022
90	60135401	Trần Nguyễn Thùy	Giang	30/09/2000	Ninh Thuận	Nữ	Khá	60.NNA-3	2018-2022
91	60135406	Tạ Thiét	Giáp	26/11/2000	Ninh Bình	Nam	Trung bình	60.NNA-3	2018-2022
92	60130360	Nguyễn Thị Xuân	Hồng	12/08/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-3	2018-2022
93	60136074	Nguyễn Thị Khánh	Ly	28/01/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.NNA-3	2018-2022

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
94	60136143	Nguyễn Thị Hà My	04/10/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.NNA-3	2018-2022
95	60136152	Nguyễn Thị Trúc Trà My	03/09/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.NNA-3	2018-2022
96	60136345	Phạm Thị Minh Nguyệt	05/03/2000	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	60.NNA-3	2018-2022
97	60136452	Nguyễn Ngọc Trúc Như	06/04/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-3	2018-2022
98	60136560	Nguyễn Thị Kim Phúc	21/12/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-3	2018-2022
99	60132272	Vũ Thị Thu Thảo	19/08/2000	Thanh Hóa	Nữ	Khá	60.NNA-3	2018-2022
100	60136973	Võ Xuân Thiện	12/11/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.NNA-3	2018-2022
101	60137324	Nguyễn Thị Kiều Trinh	10/02/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-3	2018-2022
102	60139032	Nguyễn Thị Phương Uyên	15/12/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-3	2018-2022
103	60137501	Nguyễn Thị Phương Uyên	03/09/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.NNA-3	2018-2022
104	60132055	Trương Nguyễn Hoàng Vũ	01/06/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.NNA-3	2018-2022
105	60137660	Huỳnh Như Ý	16/11/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-3	2018-2022
106	60135073	Trần Nguyễn Tuyết Anh	01/08/2000	Quảng Bình	Nữ	Khá	60.NNA-4	2018-2022
107	60135225	Phạm Trần Hải Đăng	15/01/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.NNA-4	2018-2022
108	60135264	Dương Tuyết Kiều Diệu	07/09/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.NNA-4	2018-2022
109	60135313	Trần Thị Kim Dung	17/10/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-4	2018-2022
110	60135481	Nguyễn Thị Thanh Hằng	05/09/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-4	2018-2022
111	60135596	Trần Minh Hiếu	12/11/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-4	2018-2022
112	60135678	Võ Gia Huệ	08/12/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-4	2018-2022
113	60130487	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	26/04/2000	Bình Định	Nữ	Trung bình	60.NNA-4	2018-2022
114	60135960	Phạm Hoàng Thùy Linh	14/09/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.NNA-4	2018-2022
115	60136166	Đoàn Vũ Vi Na	01/06/2000	Bình Định	Nữ	Trung bình	60.NNA-4	2018-2022
116	60136504	Phan Thị Kim Oanh	09/12/2000	Quảng Bình	Nữ	Trung bình	60.NNA-4	2018-2022
117	60136566	Đặng Thị Phụng	02/02/2000	Đắk Lắk	Nữ	Trung bình	60.NNA-4	2018-2022
118	60130803	Nguyễn Hồng Phước	22/11/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-4	2018-2022
119	60136768	Nguyễn Văn Sỹ	19/07/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.NNA-4	2018-2022
120	60136789	Cao Thành Tâm	10/02/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.NNA-4	2018-2022
121	60136900	Lê Nhật Thảo	21/10/2000	Lâm Đồng	Nữ	Trung bình	60.NNA-4	2018-2022
122	60136941	Huỳnh Nguyễn Thiện Thi	12/12/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.NNA-4	2018-2022
123	60136950	Trần Nhật Thi	11/05/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-4	2018-2022
124	60137292	Võ Lê Thanh Trang	22/07/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.NNA-4	2018-2022
125	60137332	Phạm Xuân Trinh	22/10/1999	Nghệ An	Nam	Khá	60.NNA-4	2018-2022
126	60137426	Trần Quốc Tuấn	03/01/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.NNA-4	2018-2022
127	60137477	Đặng Nhật Uyên	23/07/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-4	2018-2022
128	60137479	Đinh Thị Thu Uyên	20/08/2000	Ninh Bình	Nữ	Khá	60.NNA-4	2018-2022
129	60137504	Nguyễn Thụy Mỹ Uyên	18/03/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.NNA-4	2018-2022
130	60131292	Đoàn Trần Khánh Yên	11/11/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.NNA-4	2018-2022
131	60135089	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	14/06/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60.NNA-5	2018-2022
132	60130208	Nguyễn Thị Cẩm Giang	29/01/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.NNA-5	2018-2022
133	60135398	Nguyễn Thị Hoàng Giang	28/03/2000	Quảng Nam	Nữ	Khá	60.NNA-5	2018-2022
134	60135423	Phan Trúc Hà	26/07/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.NNA-5	2018-2022
135	60135498	Phạm Thị Tuyết Hạnh	31/12/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.NNA-5	2018-2022
136	60135532	Phan Hoàng Nhân Hậu	21/03/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-5	2018-2022
137	60136065	Nguyễn Thị Kim Luyến	18/10/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.NNA-5	2018-2022
138	60136085	Chu Đỗ Ban Mai	22/02/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-5	2018-2022
139	60136091	Ngô Trúc Mai	13/06/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-5	2018-2022
140	60136322	Nguyễn Hoài Thảo Nguyên	02/07/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.NNA-5	2018-2022
141	60136326	Nguyễn Thảo Nguyên	27/05/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-5	2018-2022
142	60139039	Thập Phạm Huỳnh Như	19/11/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.NNA-5	2018-2022

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
143	60136617	Lê Thị Hồng	Phượng	20/09/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.NNA-5	2018-2022
144	60136680	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	22/08/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-5	2018-2022
145	60136719	Trần Mai Như	Quỳnh	09/11/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-5	2018-2022
146	60136907	Nguyễn Thanh	Thảo	12/12/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60.NNA-5	2018-2022
147	60136951	Trần Thị Mai	Thị	23/12/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-5	2018-2022
148	60137006	Phạm Nguyễn Hồng	Thoại	20/05/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-5	2018-2022
149	60137009	Nguyễn Võ Thu	Thơì	02/10/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.NNA-5	2018-2022
150	60137248	Hoàng Thị	Trang	14/06/2000	Gia Lai	Nữ	Trung bình	60.NNA-5	2018-2022
151	60137258	Lê Thị Mỹ	Trang	02/01/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.NNA-5	2018-2022
152	60137350	Nguyễn Thị Xuân	Trúc	19/06/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-5	2018-2022
153	60137441	Đoàn Nguyên Cát	Tường	22/12/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-5	2018-2022
154	60137497	Nguyễn Thảo	Uyên	11/10/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.NNA-5	2018-2022
155	60137508	Trần Ngọc	Uyên	16/07/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.NNA-5	2018-2022
156	60139040	Phạm Thị Khánh	Vy	12/12/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60.NNA-5	2018-2022
157	60137624	Nguyễn Thị Tường	Vy	04/06/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-5	2018-2022
158	60135050	Nguyễn Ngọc Bảo	Anh	23/12/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-6	2018-2022
159	60135054	Nguyễn Ngọc Vân	Anh	01/11/2000	Ninh Thuận	Nữ	Khá	60.NNA-6	2018-2022
160	60135157	Nguyễn Phúc Bảo	Châu	07/07/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-6	2018-2022
161	60132313	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	13/12/2000	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	60.NNA-6	2018-2022
162	60130071	Lương Thị Mỹ	Chi	29/02/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60.NNA-6	2018-2022
163	60135366	Lê Thị Mỹ	Duyên	11/09/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-6	2018-2022
164	60132218	Hoàng Hải	Hà	05/04/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.NNA-6	2018-2022
165	60135510	Đặng Như	Hào	20/10/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60.NNA-6	2018-2022
166	60132149	Bùi Thị Mỹ	Hiền	15/09/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60.NNA-6	2018-2022
167	60136093	Nguyễn Thị Phương	Mai	27/10/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-6	2018-2022
168	60136347	Huỳnh Thị Thanh	Nhân	06/02/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.NNA-6	2018-2022
169	60130755	Trịnh Quang	Ninh	27/12/2000	Phú Yên	Nam	Trung bình	60.NNA-6	2018-2022
170	60136507	Trần Thị Kiều	Oanh	24/09/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-6	2018-2022
171	60136558	Ngô Thị Xuân	Phúc	19/02/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-6	2018-2022
172	60139041	Lê Thị Thanh	Phương	20/01/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-6	2018-2022
173	60136681	Nguyễn Thị Nhật	Quyên	26/07/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-6	2018-2022
174	60136921	Nguyễn Thùy Hạnh	Thảo	30/05/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-6	2018-2022
175	60136968	Nguyễn Thái	Thiện	10/02/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-6	2018-2022
176	60131023	Nguyễn Thị Hoài	Thương	21/06/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.NNA-6	2018-2022
177	60131039	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	03/06/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-6	2018-2022
178	60137159	Nguyễn Thị Hữu	Tinh	02/06/2000	Đắk Lắk	Nữ	Khá	60.NNA-6	2018-2022
179	60137317	Lương Thị Tú	Trình	29/06/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-6	2018-2022
180	60137498	Nguyễn Thảo	Uyên	23/06/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.NNA-6	2018-2022
181	60130005	Lê Thị Thúy	An	04/11/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.NNA-7	2018-2022
182	60135217	Bùi Thụy Linh	Đan	08/03/2000	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	60.NNA-7	2018-2022
183	60135257	Nguyễn Thị Phương	Diễm	18/02/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-7	2018-2022
184	60135306	Lê Thùy	Dung	30/01/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.NNA-7	2018-2022
185	60135436	Đỗ Thị Thanh	Hải	17/10/2000	Bình Định	Nữ	Khá	60.NNA-7	2018-2022
186	60135634	Lê Khải	Hoàn	20/12/2000	Đắk Lắk	Nữ	Khá	60.NNA-7	2018-2022
187	60135892	Trần Thị Thanh	Lam	05/01/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.NNA-7	2018-2022
188	60130576	Hoàng Thị	Manila	24/02/2000	Lâm Đồng	Nữ	Khá	60.NNA-7	2018-2022
189	60136104	Lưu Thị Trà	Mi	15/09/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.NNA-7	2018-2022
190	60136224	Nguyễn Đặng Kim	Ngân	05/08/2000	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	60.NNA-7	2018-2022
191	60131495	Phạm Minh	Ngọc	19/07/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.NNA-7	2018-2022

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
192	60136459	Trần Lâm Tâm	Như	04/10/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-7	2018-2022
193	60136596	Nguyễn Lê Châu	Phương	05/12/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-7	2018-2022
194	60136705	Lê Võ Như	Quỳnh	28/10/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.NNA-7	2018-2022
195	60136706	Ngô Thị Xuân	Quỳnh	18/02/2000	Bình Định	Nữ	Khá	60.NNA-7	2018-2022
196	60136828	Phan Thị Lệ	Thắm	10/09/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.NNA-7	2018-2022
197	60136890	Đỗ Thị Thu	Thảo	27/02/2000	Đắk Lắk	Nữ	Khá	60.NNA-7	2018-2022
198	60136897	Huỳnh Thị Kim	Thảo	08/02/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-7	2018-2022
199	60137154	Nguyễn Trung	Tín	18/03/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.NNA-7	2018-2022
200	60131094	Nguyễn Thị Huyền	Trần	22/02/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-7	2018-2022
201	60137267	Nguyễn Thị Diễm	Trang	28/01/2000	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	60.NNA-7	2018-2022
202	60137503	Nguyễn Thu	Uyên	16/01/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60.NNA-7	2018-2022
203	60137522	Lê Thu	Vân	22/12/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.NNA-7	2018-2022
204	60137602	Lê Nguyễn Hoàng	Vy	26/10/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-7	2018-2022
205	60137606	Lê Trương Hà Thảo	Vy	28/09/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-7	2018-2022
206	60131288	Huỳnh Như	Ý	14/05/2000	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	60.NNA-7	2018-2022
207	60135010	Nguyễn Quốc	An	05/01/2000	Khánh Hòa	Nam	Giỏi	60.NNA-8	2018-2022
208	60130061	Phan Minh	Cảnh	12/07/2000	Tây Ninh	Nam	Khá	60.NNA-8	2018-2022
209	60135143	Nguyễn Trịnh	Cao	21/09/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-8	2018-2022
210	60130072	Nguyễn Linh	Chi	02/11/2000	Yên Bái	Nữ	Khá	60.NNA-8	2018-2022
211	60135229	Mai Tấn Trúc	Đào	21/11/2000	Bình Thuận	Nam	Khá	60.NNA-8	2018-2022
212	60135325	Trần Quốc	Dũng	18/01/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.NNA-8	2018-2022
213	60135393	Võ Đặng Quỳnh	Duyên	20/07/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	60.NNA-8	2018-2022
214	60135530	Nguyễn Ngọc	Hậu	21/07/2000	Phú Yên	Nam	Khá	60.NNA-8	2018-2022
215	60135611	Nguyễn Thị Phương	Hoa	16/09/2000	Bắc Ninh	Nữ	Khá	60.NNA-8	2018-2022
216	60135673	Nguyễn Thị Ngân	Huệ	12/03/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.NNA-8	2018-2022
217	60130425	Nguyễn Thị Mỹ	Kha	29/10/2000	Phú Yên	Nữ	Giỏi	60.NNA-8	2018-2022
218	60135958	Nguyễn Thị Thùy	Linh	22/08/2000	Đắk Lắk	Nữ	Giỏi	60.NNA-8	2018-2022
219	60136129	Huỳnh Thị Như	Mơ	11/10/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.NNA-8	2018-2022
220	60136246	Phan Thúy	Ngân	05/08/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60.NNA-8	2018-2022
221	60136277	Lê Thị Kim	Ngọc	05/07/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-8	2018-2022
222	60136312	Huỳnh Ngọc Thảo	Nguyên	21/07/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.NNA-8	2018-2022
223	60136479	Nguyễn Yến	Nhung	02/04/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-8	2018-2022
224	60136609	Võ Kim	Phương	15/07/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-8	2018-2022
225	60136671	Ngô Nhật	Quỳnh	29/05/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-8	2018-2022
226	60136710	Nguyễn Như	Quỳnh	31/10/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-8	2018-2022
227	60136794	Lê Thị Thanh	Tâm	18/10/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-8	2018-2022
228	60130945	Nguyễn Lê Phương	Thảo	02/09/2000	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	60.NNA-8	2018-2022
229	60136989	Trần Thy	Thơ	15/08/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.NNA-8	2018-2022
230	60137193	Lê Thị Ngọc	Trâm	14/09/2000	Đắk Lắk	Nữ	Trung bình	60.NNA-8	2018-2022
231	60131119	Trương Thị Phi	Trang	20/08/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-8	2018-2022
232	60137277	Phạm Minh Huyền	Trang	06/10/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-8	2018-2022
233	60137326	Nguyễn Thực	Trình	08/01/2000	Đắk Lắk	Nữ	Khá	60.NNA-8	2018-2022
234	60131274	Mai Thị Trà	Vy	05/08/2000	Bình Định	Nữ	Khá	60.NNA-8	2018-2022
235	60137608	Nguyễn Ái	Vy	04/06/2000	Bình Định	Nữ	Khá	60.NNA-8	2018-2022
236	60135116	Nguyễn Thị	Bảo	20/08/1999	Nghệ An	Nữ	Trung bình	60.NNA-9	2018-2022
237	60135146	Đoàn Ngọc	Châu	25/09/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-9	2018-2022
238	60131980	Hồ Thị Thùy	Dương	29/10/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.NNA-9	2018-2022
239	60130275	Hoàng Phương	Hiền	07/03/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-9	2018-2022
240	60135613	Trương Thị Mỹ	Hoa	22/05/2000	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	60.NNA-9	2018-2022

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
241	60135661	Nguyễn Thị Kim	Hồng	08/03/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-9	2018-2022
242	60135781	Bùi Thị Ngọc	Huyền	06/07/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-9	2018-2022
243	60135887	Lê Lữ Lưu	Lam	24/08/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-9	2018-2022
244	60136063	Trần Thị Nhi	Lúy	18/04/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-9	2018-2022
245	60136221	Lê Thị Thanh	Ngân	26/10/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-9	2018-2022
246	60136249	Trương Hạnh	Ngân	17/01/2000	Bình Định	Nữ	Trung bình	60.NNA-9	2018-2022
247	60136293	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	20/06/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.NNA-9	2018-2022
248	60136296	Trần Như Hoàn	Ngọc	10/05/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-9	2018-2022
249	60130720	Nguyễn Thị Thanh	Nhi	12/09/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-9	2018-2022
250	60136614	Vũ Thị	Phương	19/06/2000	Thanh Hóa	Nữ	Khá	60.NNA-9	2018-2022
251	60136626	Trần Thị Thanh	Phượng	13/09/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.NNA-9	2018-2022
252	60136686	Trương Vũ Hoài	Quyên	18/03/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-9	2018-2022
253	60136711	Nguyễn Thị	Quỳnh	14/02/2000	Đắk Lắk	Nữ	Khá	60.NNA-9	2018-2022
254	60136812	Võ Minh	Tấn	18/04/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.NNA-9	2018-2022
255	60137072	Trần Thị Thanh	Thuộc	22/09/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-9	2018-2022
256	60137182	Trương Thị Phương	Trà	01/08/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-9	2018-2022
257	60137207	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	22/08/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.NNA-9	2018-2022
258	60137215	Tần Ngọc Bảo	Trâm	05/01/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.NNA-9	2018-2022
259	60137251	Huỳnh Thị Kim	Trang	12/03/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-9	2018-2022
260	60137312	Duy Võ Tú	Trinh	05/01/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	60.NNA-9	2018-2022
261	60137461	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	08/03/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-9	2018-2022
262	60137512	Trịnh Phương	Uyên	15/06/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-9	2018-2022
263	60139037	Nguyễn Tường	Vy	24/09/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.NNA-9	2018-2022
264	60137620	Nguyễn Thị Thảo	Vy	04/12/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-9	2018-2022
265	60137677	Trần Thị Kim	Yến	16/11/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.NNA-9	2018-2022

Danh sách có 265 sinh viên

nhuu

ĐẠI
HỌC

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2022

Theo Quyết định số 948 /QĐ-ĐHNT ngày 18 tháng 8 năm 2022

Loại hình đào tạo: Cao đẳng chính quy

1. Tiếng Anh

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	60160611	Nguyễn Thị Thu	Mai	08/02/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.TADL-1	2018-2021
2	60162798	Nguyễn Nhật	Tân	04/07/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60C.TADL-1	2018-2021
3	60160160	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	02/02/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.TADL-2	2018-2021
4	60160406	Trần Tuấn	Hùng	31/03/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60C.TADL-2	2018-2021
5	61160729	Nguyễn Thị Mai	Giao	13/06/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61C.TADL	2019-2022
6	61160738	Trần Thái	Hậu	08/09/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61C.TADL	2019-2022
7	61160753	Nguyễn Phạm Thanh	Hoàng	26/01/2001	TP Hồ Chí Minh	Nữ	Khá	61C.TADL	2019-2022
8	61161507	Lương Thị Thanh	Mai	14/11/2001	Đắk Lắk	Nữ	Khá	61C.TADL	2019-2022
9	61161526	Đỗ Thị	Ngân	08/02/2001	Gia Lai	Nữ	Trung bình	61C.TADL	2019-2022
10	61161162	Trần Hoài	Phương	17/08/2001	Bình Định	Nữ	Trung bình	61C.TADL	2019-2022
11	61161322	Nguyễn Như	Quỳnh	15/12/2001	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	61C.TADL	2019-2022
12	61160920	Nguyễn Thị Phương	Trình	23/06/2001	Ninh Thuận	Nữ	Khá	61C.TADL	2019-2022

Danh sách có 12 sinh viên